

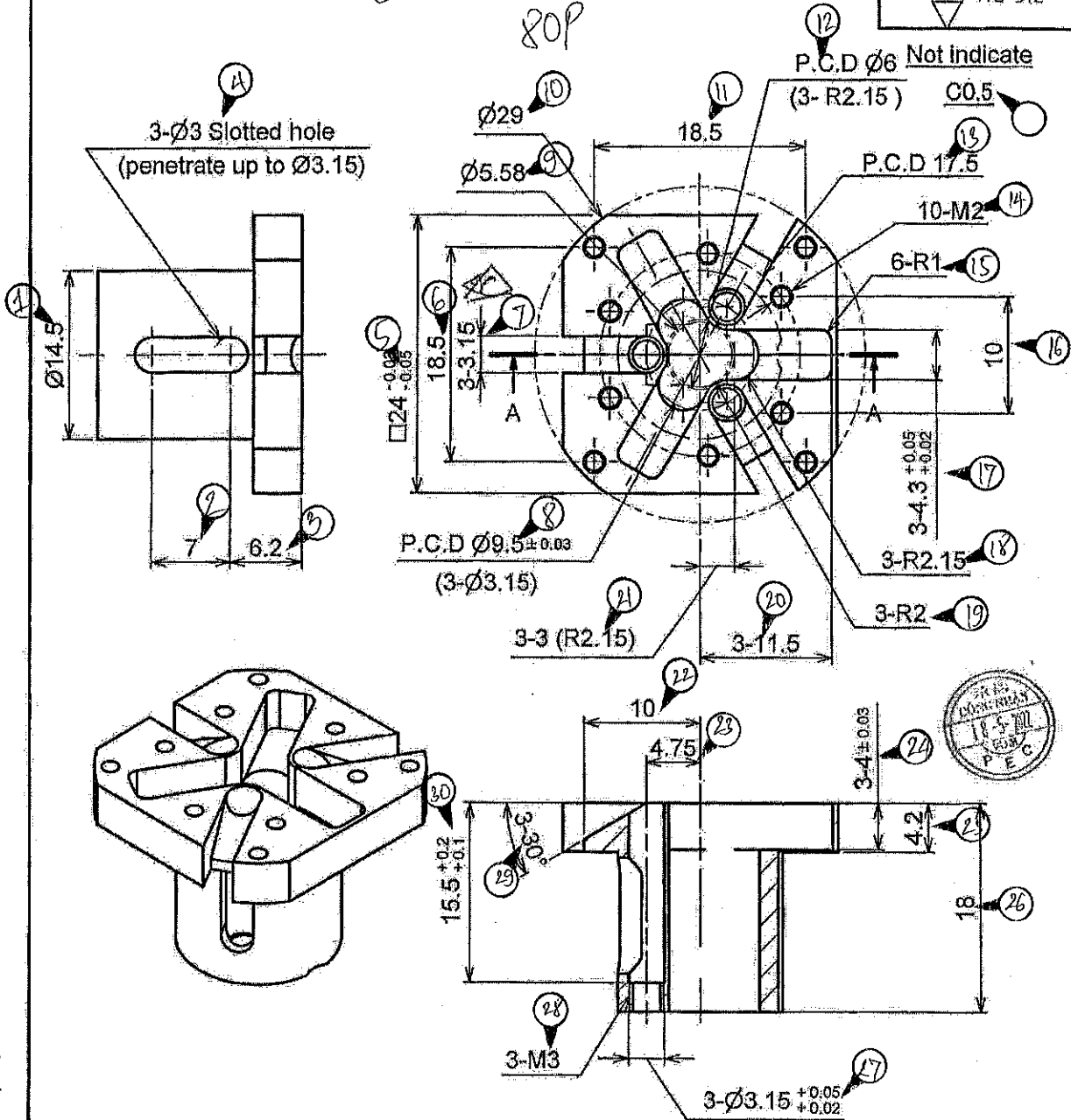
REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE
Init.						0.5 ≤, ≤ 6 ±0.1
△						6 <, ≤ 30 ±0.2
△						30 <, ≤ 120 ±0.3
△						120 <, ≤ 400 ±0.4

TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED APPLIES JIS B 0403-1, JIS B 0413-1

FINISH MARKS

√ Ra 3.2

213.209.05413
80P



DSGND.	CHKD.	TITLE	PARTS NAME
NGOC-Z0008	01062 10081	PART DRAWING	DE DIEN CUC 3.0 (PCD 9.5)
QUENCH&TEMPER	SURFACE		
HRC			
MATERIAL	DATE	SCALE	DWG. No.
PEEK	2022/05/13	2:1	DKAF272AAA-131002/c

MABUCHI MOTOR CO.,LTD.

Ø30 y 28

SNO:	
SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:	
NGƯỜI THIẾT LẬP: 10197	
DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU:	
2.THỜI GIAN GIA CÔNG	